

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết  
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 332/TTr- SNN ngày 12 tháng 10 năm 2015 và Giám đốc Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố kèm theo Quyết định này 02 ( hai) thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang (có danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



**Đàm Văn Bông**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÀ GIANG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2748/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2015  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)



**PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**

| STT                         | Tên thủ tục hành chính  |
|-----------------------------|---|
| <b>Lĩnh vực: Lâm nghiệp</b> |   |
| 1                           | Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh                                      |
| 2                           | Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác |

147

## **PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÀ GIANG**

**A. Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**

### **Lĩnh vực Lâm nghiệp**

**1. Thủ tục: Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh**

#### **a. Trình tự thực hiện**

- Tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế. Nộp hồ sơ tại bộ phận giao dịch một cửa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Địa chỉ 196, đường Trần Hưng Đạo, tổ 4 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

+ Thời gian tiếp nhận, trả kết quả: từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, ngày nghỉ) buổi sáng từ 7h30 đến 11h00, buổi chiều từ 13h30 đến 17h00)

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Ghi phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu: Trả hồ sơ, yêu cầu bổ sung.

- Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ cho Chi cục Lâm nghiệp tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đơn giá trồng rừng, tổng số tiền, thời gian chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế.

- Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cho chủ dự án biết để thực hiện.

- Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh tiếp nhận, quản lý số tiền trồng rừng thay thế giải ngân theo phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế.

#### **b. Cách thức thực hiện**

Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ**

\* Thành phần hồ sơ

- Văn bản của chủ dự án;

- Thuyết minh dự án đầu tư có thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng.

\* Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

**d. Thời hạn giải quyết:** 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ. Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Lâm nghiệp, thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định TTHC: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

**e. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài.

**g. Mẫu đơn, tờ khai:** Không

**h. Phí, lệ phí:** Không

**i. Kết quả thực hiện TTHC**

Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế của chủ dự án.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không

**l. Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

## **2. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác**

### **a. Trình tự thực hiện**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang, Địa chỉ: Số 196, đường Trần Hưng Đạo, tổ 4 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Thời gian tiếp nhận, trả kết quả: từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, ngày nghỉ) buổi sáng từ 7h30 đến 11h00, buổi chiều từ 13h30 đến 17h00)

Bước 2: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ theo quy định trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho chủ dự án để bổ sung hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định (trường hợp Phương án trồng rừng thay thế có tổng diện tích dưới 50 hecta thì không nhất thiết thành lập Hội đồng thẩm định Phương án với đầy đủ thành phần. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định số lượng thành phần Hội đồng thẩm định phù hợp). Trường hợp cần phải xác minh thực địa, thì thời gian thẩm định phương án được kéo dài không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc.

Bước 4: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang xem xét phê duyệt phương án. Trường hợp không đề nghị UBND tỉnh Hà Giang xem xét phê duyệt phương án, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời cho chủ dự án đã gửi hồ sơ đề nghị biết lý do.

Bước 5: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đề nghị phê duyệt phương án của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, UBND tỉnh phê duyệt phương án; trường hợp không phê duyệt, UBND tỉnh Hà Giang phải thông báo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết rõ lý do để trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết.

**b. Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt phương án (theo mẫu tại Phụ lục 01 của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT);

- Phương án trồng rừng thay thế (theo mẫu tại Phụ lục 02 của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT).

+ Số lượng hồ sơ: 05 bộ (01 bản chính và 04 bản sao).

**d. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 20 ngày trong trường hợp không xác minh; 35 ngày trong trường hợp phải xác minh.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Lâm nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có diện tích đất trồng rừng thay thế, tổ chức khoa học có liên quan.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.

**h. Lệ phí:** Không.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đề nghị phê duyệt phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang sử dụng cho mục đích khác (theo mẫu tại Phụ lục 01 của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT).

- Phương án trồng rừng thay thế (theo mẫu tại Phụ lục 02 của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT).

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. (Điều 3 và Điều 4)

+ Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. (Khoản 1, 2, 3 Điều 1).

**PHỤ LỤC 01**  
**ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 5 năm  
2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ....

**ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN**  
**TRỒNG RỪNG THAY THẾ KHI CHUYỂN SANG MỤC ĐÍCH SỬ**  
**DỤNG RỪNG SANG SỬ DỤNG CHO MỤC KHÁC**

Dự án: .....

Kính gửi .....  
Tên tổ chức: .....  
Địa chỉ: .....  
Căn cứ Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 6/5/2013 Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang sử dụng cho mục đích khác, đề nghị ..... Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế như sau:  
Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng:.....  
Loại rừng chuyển mục đích sử dụng:.....  
Đối tượng rừng chuyển đổi:.....  
Diện tích đất trồng rừng thay thế:.....  
Vị trí trồng rừng thay thế: thuộc khoảnh....., tiểu khu..... xã.....huyện.....tỉnh.....  
Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất): .....  
Phương án trồng rừng thay thế:  
- Loài cây trồng .....  
- Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài): .....  
- Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng): .....  
- Thời gian trồng: .....  
Tổng mức đầu tư trồng rừng thay thế: .....  
..... (tên tổ chức) cam đoan thực hiện đúng quy định của nhà nước về trồng rừng thay thế, nếu vi phạm hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện của tổ chức .**  
(ký, đóng dấu)

## PHỤ LỤC 02

### PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

#### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

#### II. CĂN CỨ XÂY DỰNG

#### III. KHÁI QUÁT VỀ DIỆN TÍCH RỪNG, ĐẤT RỪNG CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH

1. Tên Phương án:

2. Vị trí khu rừng: Diện tích .....ha, Thuộc khoảnh, .....lô .....

Các mặt tiếp giáp .....

Địa chỉ khu rừng: Thuộc xã .....huyện .....tỉnh .....

3. Địa hình: Loại đất ..... độ dốc .....

4. Khí hậu:.....

5. Tài nguyên rừng (nếu có): Loại rừng .....

#### IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

#### V. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Phương án án 1: Chủ đầu tư tự thực hiện.

- Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng:

- Loại rừng chuyển mục đích sử dụng:

- Đối tượng rừng chuyển đổi:

+ Trạng thái rừng .....

+ Trữ lượng rừng ..... m3, tre, nứa..... cây

- Diện tích đất trồng rừng thay thế:

+ Vị trí trồng: thuộc khoảnh....., tiểu khu..... xã..... huyện.....tỉnh.....

+ Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất): .....

- Kế hoạch trồng rừng thay thế

+ Loài cây trồng .....

+ Mật độ .....

+ Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài): .....

+ Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng:

+ Thời gian và tiến độ trồng: .....

+ Xây dựng đường băng cản lửa .....

+ Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng): .....



+ Tổng vốn đầu tư trồng rừng thay thế.

2. Phương án 2: Nộp tiền về quỹ bảo vệ và phát triển rừng (do hết quỹ đất)

- Lý do xây dựng phương án

- Dự toán kinh phí thực hiện phương án

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

.....  
.....